TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20-3-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vinh;

Ông Phạm Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dỏn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 112/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Minh Tr, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số 11B U20 Lam Sơn, phường Lam Sơn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thùy D, sinh năm 1990; hiện cư trú tại: 3535 East 48th Avenue Vancouver, British V5S1H6, Canada; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Minh Tr trình bày:

Anh Trần Minh Tr và chị Nguyễn Thùy D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Hải Phòng vào ngày 25 tháng 12 năm 2015. Sau thời gian chung sống 02 tháng thì chị D trở lại Canada để sinh sống. Tuy nhiên sau đó hồ sơ của anh Tr không được duyệt và từ đó đến nay vợ chồng anh chị sống xa nhau. Mặc dù cả hai đã nỗ lực rất nhiều để có thể đoàn tụ nhưng không thể. Do khoảng cách địa lý nên tình cảm ngày một phai nhạt.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh Trần Minh Tr đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thùy D.

Về con chung và tài sản chung: Anh Trần Minh Tr và chị Nguyễn Thùy D không có con chung và tài sản chung nên anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về bị đơn là chị Nguyễn Thùy D: Chị Nguyễn Thùy D hiện đang ở Canada, sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Canada để tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo thời gian tiến hành phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo thời gian mở phiên tòa cho chị Nguyễn Thùy D. Cơ quan có thẩm quyền của Canada đã có phản hồi là đã tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thùy D.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký về cơ bản đã thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử vụ án. Tòa án xét xử vắng mặt anh Trần Minh Tr và chị Nguyễn Thùy D là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 và khoản 4 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, 14, 51, 53, 56, khoản 1 Điều 89 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Minh Tr: Về quan hệ hôn nhân và gia đình, cho anh Trần Minh Tr được ly hôn chị Nguyễn Thùy D; về con chung, anh Trần Minh Tr và chị Nguyễn Thùy D không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; về tài sản chung: Anh Trần Minh Tr không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí và các chi phí khác: Anh Trần Minh Tr phải chịu án phí, và các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Anh Trần Minh Tr làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn với chị Nguyễn Thùy D. Chị Nguyễn Thùy D hiện đang cư trú tại Canada. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã ủy thác tống đạt các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thùy D và cơ quan có thẩm quyền của Canada đã tống đạt trực tiếp cho chị D. Tuy nhiên chị D không có quan điểm, ý kiến đối với vụ án. Tại phiên tòa mở lần thứ hai, chị D vắng mặt tại phiên tòa. Anh Trần Minh Tr có đơn

đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 238, điểm b khoản 3 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thùy D.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Minh Tr và chị Nguyễn Thùy D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Hải Phòng vào ngày 25 tháng 12 năm 2015. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh Trần Minh Tr khai nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh và chị Nguyễn Thùy D do mỗi người ở một nơi, hai bên đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Từ lâu, giữa anh và chị Nguyễn Thùy D không còn liên lạc với nhau, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Minh Tr là chính đáng, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Minh Tr, xử cho anh Trần Minh Tr được ly hôn với chị Nguyễn Thùy D.

[4] Về con chung, tài sản chung: Anh Trần Minh Tr khai giữa anh và chị Nguyễn Thùy D không có con chung, không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trần Minh Tr là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về phí ủy thác tư pháp: Anh Trần Minh Tr phải chịu phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào 9, 14, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 151, Điều 152, Điều 153, Điều 154, khoản 1 Điều 228, Điều 273, Điều 469, Điều 470, khoản 4 và điểm b khoản 3 Điều 477, khoản 3 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Minh Tr

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Minh Tr được ly hôn chị Nguyễn Thùy D.

2. Về con chung: Anh Trần Minh Tr và chị Nguyễn Thùy D không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Anh Trần Minh Tr không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trần Minh Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0000478 ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Trần Minh Tr đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về phí ủy thác tư pháp: Anh Trần Minh Tr phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) phí ủy thác tư pháp để tống đạt Văn bản tố tụng của tòa án cho chị Nguyễn Thùy D, được trừ số tiền tạm ứng lệ phí 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0000480 ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Trần Minh Tr đã nộp đủ tiền phí ủy thác tư pháp.

Anh Trần Minh Tr còn phải chịu chi phí ủy thác để tống đạt bản án cho chị Nguyễn Thùy D.

7. Về quyền kháng cáo:

Anh Trần Minh Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Chị Nguyễn Thùy D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

8. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Vân Thúy